



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY SẢN VIỆT ÚC



PHẦN MỞ ĐẦU

Điều Lệ này được thông qua theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông tại đại hội tổ chức vào ngày ..9.. tháng ..10.. năm 2018

CHƯƠNG 1 ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1: Giải Thích Thuật Ngữ

- (i) Trong Điều Lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
- (A) “Công Ty” là Công Ty Cổ Phần Thủy Sản Việt Úc có Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3400322504 được Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 10 tháng 7 năm 2001 (được sửa đổi, bổ sung, thay thế vào từng thời điểm).
 - (B) “Vốn Điều Lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 của Điều Lệ này.
 - (C) “Luật Doanh Nghiệp” là Luật Doanh Nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014 (được sửa đổi, bổ sung, thay thế vào từng thời điểm).
 - (D) “Luật Chứng Khoán” là Luật Chứng Khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung, thay thế vào từng thời điểm).
 - (E) “Ngày Thành Lập” là ngày 10 tháng 7 năm 2001.
 - (F) “Người Điều Hành Của Công Ty” là Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, Kế Toán Trưởng, và người điều hành khác theo bổ nhiệm của Công Ty vào từng thời điểm.
 - (G) “Người Có Liên Quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 17, Điều 4 Luật Doanh Nghiệp, và Khoản 34, Điều 6, Luật Chứng Khoán.
 - (H) “Đại Hội Đồng Cổ Đông” là đại hội đồng cổ đông của Công Ty.
 - (I) “Hội Đồng Quản Trị” là hội đồng quản trị của Công Ty.
 - (J) “Ban Kiểm Soát” là ban kiểm soát của Công Ty.
 - (K) “Tổng Giám Đốc” là tổng giám đốc của Công Ty.
 - (L) “Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị” là chủ tịch hội đồng quản trị của Công Ty.
 - (M) “(Nhóm) Cổ Đông Lớn” là cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng.

- (N) “Thời Hạn Hoạt Động” là thời gian hoạt động của Công Ty được quy định tại Điều 2, Điều Lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua vào từng thời điểm.
- (O) “Việt Nam” là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- (ii) Trong Điều Lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
- (iii) Các tiêu đề (chương, điều của Điều Lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều Lệ này.

CHƯƠNG 2
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2: Tên, Hình Thức, Trụ Sở, Chi Nhánh, Văn Phòng Đại Diện Và Thời Hạn Hoạt Động Của Công Ty

- (i) Tên Công Ty:
- (A) Tên Công Ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY SẢN VIỆT ÚC
- (B) Tên Công Ty viết bằng tiếng Anh: Viet Uc Seafood Joint Stock Company
- (C) Tên Công Ty viết tắt: Viet Uc Seafood JSC
- (ii) Công Ty là Công Ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- (iii) Địa chỉ trụ sở chính: Km 1595, Quốc Lộ 1A, Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
Điện thoại: (028) 38247788 Fax: (028) 38247799
- (iv) Công Ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công Ty phù hợp với quyết định của Hội Đồng Quản Trị và trong phạm vi pháp luật cho phép.
- (v) Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 52, Điều Lệ này hoặc pháp luật có quy định khác, thời hạn hoạt động của Công Ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3: Người Đại Diện Theo Pháp Luật Của Công Ty

Công Ty có 1 (một) người đại diện theo pháp luật là Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, kiêm Tổng Giám Đốc. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của pháp luật và/hoặc quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

CHƯƠNG 3
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4: **Ngành, Nghề Kinh Doanh Của Công Ty**

STT	Tên Ngành	Mã Ngành
1.	Sản xuất giống thủy sản	0323
2.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322

Điều 5: **Phạm Vi Kinh Doanh Và Hoạt Động Của Công Ty**

- (i) Công Ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công Ty đã được công bố trên Cổng Thông Tin Đăng Ký Doanh Nghiệp Quốc Gia và Điều Lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công Ty.
- (ii) Công Ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

CHƯƠNG 4
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6: **Vốn Điều Lệ, Cổ Phần, Cổ Đông Sáng Lập**

- (i) Vốn Điều Lệ của Công Ty là 102.439.160.000 VNĐ (một trăm lẻ hai tỷ bốn trăm ba mươi chín triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Tổng số vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 10.243.916 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần.
- (ii) Công Ty có thể thay đổi vốn Điều Lệ khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- (iii) Các cổ phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và cổ phần ưu đãi (nếu có). Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 của Điều Lệ này.
- (iv) Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- (v) Vào ngày thông qua Điều Lệ này, Công Ty không có cổ đông sáng lập.
- (vi) Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Hội Đồng Quản Trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các

đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo phương thức đấu giá.

- (vii) Công Ty có thể mua cổ phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội Đồng Quản Trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với Luật Chứng Khoán, văn bản hướng dẫn liên quan và quy định của Điều Lệ này.
- (viii) Công Ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7: Cổ Phiếu

- (i) Cổ đông của Công Ty được cấp chứng nhận cổ phần (còn gọi là cổ phiếu) tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần cổ đông đó đang sở hữu.
- (ii) Cổ phiếu là chứng chỉ do Công Ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công Ty. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh Nghiệp.
- (iii) Trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công Ty hoặc trong thời hạn 7 (bảy) ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày người đăng ký mua cổ phần thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phần của Công Ty, người đó sẽ được cấp cổ phiếu một cách tương ứng. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công Ty chi phí in cổ phiếu.
- (iv) Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng, người sở hữu cổ phiếu đó có thể đề nghị được cấp cổ phiếu mới với điều kiện phải cung cấp chứng cứ chứng minh cho việc sở hữu cổ phần của mình và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công Ty.

Điều 8: Chứng Chỉ Chứng Khoán Khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công Ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty.

Điều 9: Chuyển Nhượng Cổ Phần

- (i) Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều Lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- (ii) Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền biểu quyết, nhận cổ tức, nhận cổ phiếu phát hành để tăng

vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10: Thu hồi cổ phần

- (i) Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phần, Hội Đồng Quản Trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công Ty. Thông báo yêu cầu thanh toán này phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 7 (bảy) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi. Hội Đồng Quản Trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện. Để làm rõ, thông báo thu hồi cổ phần phải được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi và việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.
- (ii) Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán thuộc quy định tại Khoản 3, Điều 111, Luật Doanh Nghiệp. Hội Đồng Quản Trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội Đồng Quản Trị thấy là phù hợp.
- (iii) Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, không phải thanh toán số tiền tương ứng với cổ phần bị thu hồi, nhưng vẫn phải thanh toán lãi phát sinh (nếu có).

**CHƯƠNG 5
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

Điều 11: Cơ Cấu Tổ Chức, Quản Trị Và Kiểm Soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công Ty bao gồm:

- (i) Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (ii) Hội Đồng Quản Trị.
- (iii) Ban kiểm toán nội bộ (trực thuộc Hội Đồng Quản Trị) và/hoặc Ban Kiểm Soát.
- (iv) Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, và các chức danh quản lý khác.

**CHƯƠNG 6
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 12: Quyền Của Cổ Đông

- (i) Cổ đông là người chủ sở hữu Công Ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.
- (ii) Cổ đông có các quyền sau:
 - (A) Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa.
 - (B) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (C) Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật hiện hành, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của từng đợt phát hành cổ phần (nếu có) và/hoặc pháp luật.
 - (D) Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà cổ đông đang sở hữu.
 - (E) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông đó và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
 - (F) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (G) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ này, các biên bản họp và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (H) Trường hợp Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty sau khi Công Ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần được quyền ưu tiên thanh toán trước của Công Ty theo quy định của pháp luật.
 - (I) Yêu cầu Công Ty mua lại toàn bộ cổ phần của cổ đông đó trong các trường hợp quy định tại Điều 129, Luật Doanh Nghiệp.
 - (J) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- (iii) (Nhóm) Cổ Đông Lớn có thêm các quyền sau:
 - (A) Đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 36, Điều Lệ này.
 - (B) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị thực hiện việc triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136, Luật Doanh Nghiệp.

- (C) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (D) Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản và phải có (a) họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, (b) tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, (c) số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công Ty, và (d) vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- (E) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

Điều 13: Nghĩa Vụ Của Cổ Đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

- (i) Tuân thủ Điều Lệ này và các quy chế nội bộ của Công Ty; chấp hành quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị.
- (ii) Tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - (A) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.
 - (B) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
 - (C) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
 - (D) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
- (iii) Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
- (iv) Cung cấp thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
- (v) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
- (vi) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - (A) Vi phạm pháp luật.
 - (B) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

(C) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công Ty.

Điều 14: Đại Hội Đồng Cổ Đông

- (i) Đại Hội Đồng Cổ Đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công Ty. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên được tổ chức mỗi năm 1 (một) lần. Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và có thể được triệu tập họp bất thường khi Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết.
- (ii) Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công Ty có các khoản loại trừ trọng yếu, Công Ty có thể mời đại diện Công Ty kiểm toán độc lập dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
- (iii) Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bất thường trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày xảy ra một trong các sự kiện dưới đây:
 - (A) Báo cáo tài chính quý, 6 (sáu) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất 50% so với số đầu kỳ.
 - (B) Số thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên độc lập của Hội Đồng Quản Trị, số thành viên Ban Kiểm Soát ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội Đồng Quản Trị bị giảm quá 1/3 (một phần ba) so với số thành viên quy định tại Điều Lệ này.
 - (C) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3, Điều 12 Điều Lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trong trường hợp này, yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan.
 - (D) Ban Kiểm Soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban Kiểm Soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160, Luật Doanh Nghiệp hoặc Hội Đồng Quản Trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.
 - (E) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- (iv) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 14(iii), Điều Lệ này thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát phải thay thế Hội Đồng Quản Trị Triệu triệu tập cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Khoản 5, Điều 136, Luật Doanh Nghiệp.

- (v) Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 14(iv), Điều Lệ này thì trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tiếp theo, (Nhóm) Cổ Đông Lớn có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Khoản 6, Điều 136, Luật Doanh Nghiệp. Trong trường hợp này, (Nhóm) Cổ Đông Lớn có thể đề nghị Cơ Quan Đăng Ký Kinh Doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Để làm rõ, tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sẽ được Công Ty hoàn trả (nhưng không bao gồm các chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại).

Điều 15: Quyền Và Nhiệm Vụ Của Đại Hội Đồng Cổ Đông

- (i) Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- (A) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.
 - (B) Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị.
 - (C) Báo cáo của Ban Kiểm Soát.
 - (D) Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công Ty.
- (ii) Đại Hội Đồng Cổ Đông có thẩm quyền xem xét và quyết định các vấn đề sau đây:
- (A) Quyết định định hướng, chiến lược phát triển dài hạn (trên 5 năm) của Công Ty.
 - (B) Quyết định ngân sách tài chính hàng năm, mức trích lập các quỹ của Công Ty.
 - (C) Quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền phát hành và chào bán.
 - (D) Quyết định việc chia cổ tức hàng năm, mức chia cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần, và hình thức chi trả cổ tức. Để làm rõ, mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội Đồng Quản Trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (E) Quyết định việc tạm ứng cổ tức hàng năm, mức tạm ứng cổ tức của từng loại cổ phần, và hình thức tạm ứng cổ tức trong trường hợp tổng giá trị tạm ứng cổ tức cộng gộp quy đổi thành tiền mặt vượt quá 30% (ba mươi phần trăm) vốn điều lệ tại cùng thời điểm.
 - (F) Quyết định việc mua lại trên 10% tổng số cổ phần của từng loại cổ phần đang lưu hành của Công Ty.
 - (G) Quyết định thành lập Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát (bao gồm cả số lượng các thành viên).

- (H) Bầu, thuê, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, sa thải, thay thế, bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc (trong trường hợp Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật, hoặc Hội Đồng Quản Trị chậm, không thuê, bổ nhiệm, thay thế Tổng Giám Đốc).
- (I) Quyết định thù lao của mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, và chế độ lương, thưởng của Tổng Giám Đốc (trong trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông là người thuê, bổ nhiệm Tổng Giám Đốc).
- (J) Quyết định và chấp thuận hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận, dàn xếp giữa Công Ty với Người Có Liên Quan của Công Ty, bất kỳ (các) bên thứ ba nào khác (dù với tư cách đơn lẻ hay theo nhóm) có tổng giá trị giao dịch cộng gộp trên 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty như được ghi nhận tại báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất. Để làm rõ, việc xác định thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp này sẽ không phụ thuộc và không căn cứ vào giá trị riêng lẻ của từng hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận, dàn xếp như vậy một cách độc lập hoặc đơn lẻ.
- (K) Quyết định việc (A) niêm yết, lưu ký, và (B) ngừng, tạm ngừng, đình chỉ, tạm đình chỉ, hoặc huỷ niêm yết, lưu ký chứng khoán của Công Ty.
- (L) Quyết định ban hành, ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hướng dẫn, giải thích, đính chính, hoặc gia hạn và chấp thuận Điều Lệ.
- (M) Quyết định ban hành, ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hướng dẫn, giải thích, đính chính, hoặc gia hạn và chấp thuận quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị, quy chế hoạt động của Ban Kiểm Soát.
- (N) Quyết định và chấp thuận tất cả các vấn đề liên quan đến việc lựa chọn, giới thiệu, chỉ định, sử dụng, thay thế, chấm dứt, thuê đơn vị kiểm toán độc lập cho Công Ty.
- (O) Quyết định và chấp thuận chương trình và quy chế phát hành cổ phần ưu đãi cho nhân viên (ESOP).
- (P) Quyết định việc định giá và chấp thuận các tài sản góp vào Công Ty có tổng giá trị cộng gộp trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty như được ghi nhận tại báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất một cách tương ứng.
- (Q) Quyết định và chấp thuận việc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh có tổng giá trị cộng gộp vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty như được ghi nhận tại báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất một cách tương ứng.
- (R) Xem xét và xử lý vi phạm của Tổng Giám Đốc, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Người Điều Hành Của Công Ty (dù có thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, thuê của Đại hội Đồng Cổ Đông hay không).

- (S) Quyết định tổ chức lại, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý, tuyên bố phá sản Công Ty và/hoặc thành lập tổ thanh lý tài sản của Công Ty.
 - (T) Theo yêu cầu của bất kỳ thành viên Ban Kiểm Soát nào hoặc (Nhóm) Cổ Đông Lớn, hoặc khi xét thấy cần thiết, xem xét lại, phê chuẩn, và quyết định lại các vấn đề đã được Hội Đồng Quản Trị quyết định. Để làm rõ, trong trường hợp này, quyết định của Hội Đồng Quản Trị được Đại hội Đồng Cổ Đông đưa ra xem xét sẽ tiếp tục và duy trì hiệu lực thực thi cho đến khi Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định cuối cùng, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định ngừng, tạm ngừng, đình chỉ, tạm đình chỉ hiệu lực của các quyết định của Hội Đồng Quản Trị trong quá trình xem xét lại.
 - (U) Quyết định, chấp thuận, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (bao gồm cả bất kỳ kiến nghị nào được đề xuất mới hoặc bổ sung, và tài liệu họp nào được đệ trình).
 - (V) Quyết định, chấp thuận, chỉ định, bầu, thuê, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, sa thải, thay thế chủ tọa, thư ký, ban kiểm phiếu của Đại Hội Đồng Cổ Đông vào bất kỳ thời điểm nào khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của (Nhóm) Cổ Đông Lớn.
 - (W) Thông qua báo cáo tài chính năm.
 - (X) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- (iii) Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- (A) Thông qua các giao dịch, hợp đồng quy định tại Điều 15(ii)(J), Điều Lệ này khi cổ đông đó hoặc Người Có Liên Quan của cổ đông đó là một bên của giao dịch, hợp đồng.
 - (B) Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của Người Có Liên Quan của cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
- (iv) Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 16: Đại Diện Theo Ủy Quyền

- (i) Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

- (ii) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
- (A) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.
 - (B) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.
 - (C) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
 - (D) Người được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- (iii) Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công Ty).
- (iv) Trừ trường hợp quy định tại Điều 16(iii), Điều Lệ này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây, trừ trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện này trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại:
- (A) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.
 - (B) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền.
 - (C) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều 17: Thay Đổi Quyền Tương Ứng Của Mỗi Loại Cổ Phần

- (i) Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 2 (hai) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 (một phần ba) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được

coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

- (ii) Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21, Điều Lệ này.
- (iii) Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18: Triệu Tập Họp, Chương Trình Họp Và Thông Báo Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- (i) Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - (A) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại Hội Đồng Cổ Đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập không sớm hơn 5 (năm) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (B) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội.
 - (C) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội.
 - (D) Dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.
 - (E) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội.
 - (F) Thông báo và gửi thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
 - (G) Các công việc khác phục vụ đại hội.
- (ii) Thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở giao dịch chứng khoán (khi đã niêm yết hoặc đăng ký giao dịch). Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và/hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- (A) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp.
 - (B) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát.
 - (C) Phiếu biểu quyết.
 - (D) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
 - (E) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
- (iii) (Nhóm) Cổ Đông Lớn có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công Ty ít nhất 3 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bao gồm (a) họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân, (b) tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, và (c) số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- (iv) Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 18(iii), Điều Lệ này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- (A) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - (B) Vào thời điểm kiến nghị, (Nhóm) Cổ Đông Lớn không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng.
 - (C) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (D) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

Điều 19: Các Điều Kiện Tiến Hành Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- (i) Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- (ii) Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong thời hạn 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được triệu tập lại trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- (iii) Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong thời hạn 60 (sáu mươi) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại

Hội Đồng Cổ Đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông lần thứ nhất.

Điều 20: Thể Thức Tiến Hành Họp Và Biểu Quyết Tại Cuộc Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- (i) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công Ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- (ii) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công Ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định căn cứ đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- (iii) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- (iv) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội Đồng Quản Trị triệu tập. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, trường Ban Kiểm Soát điều khiển để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều khiển cuộc họp để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
- (v) Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- (vi) Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của các đại biểu tham dự.
- (vii) Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại Khoản 8, Điều 142, Luật Doanh Nghiệp.

- (viii) Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.
- (ix) Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:
 - (A) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (B) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.
 - (C) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự hoặc tiếp tục tham dự đại hội. Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- (x) Trong trường hợp cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xác định địa điểm đại hội có thể thực hiện các công việc sau đây. Để làm rõ, thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo quy định này.
 - (A) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và nơi chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("**Địa Điểm Chính Của Đại Hội**").
 - (B) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa Điểm Chính Của Đại Hội có thể đồng thời tham dự đại hội.
- (xi) Trong Điều Lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa Điểm Chính Của Đại Hội.
- (xii) Hàng năm, Công Ty tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất 1 (một) lần. Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông Qua Quyết Định Của Đại Hội Đồng Cổ Đông

- (i) Các vấn đề sau đây dưới đây được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nếu có số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành. Các vấn đề khác được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua khi có số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát.
 - (A) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.

- (B) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
 - (C) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty.
 - (D) Dự án đầu tư, giao dịch có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty.
 - (E) Tổ chức lại, giải thể, phá sản Công Ty.
- (ii) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản Trị hoặc thành viên Ban Kiểm Soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều Lệ này. Để làm rõ, trường hợp có từ 2 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều Lệ này.
- (iii) Trường hợp thông qua vấn đề dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nội dung đó được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua nếu có số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.
- (iv) Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty hoặc thông báo đến cổ đông có quyền dự họp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua.
- (v) Các nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22: Thẩm Quyền Và Thê Thức Lấy Ý Kiến Cổ Đông Bằng Văn Bản Để Thông Qua Quyết Định Của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Thẩm quyền và thê thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- (i) Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- (ii) Hội Đồng Quản Trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội Đồng Quản Trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và

cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Điều 18(ii), Điều Lệ này.

(iii) Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(A) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.

(B) Mục đích lấy ý kiến.

(C) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.

(D) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định.

(E) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến.

(F) Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

(G) Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

(iv) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

(v) Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công Ty theo các hình thức dưới đây. Các phiếu lấy ý kiến Công Ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

(A) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.

(B) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

(vi) Hội Đồng Quản Trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu dưới đây. Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại

phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- (A) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - (B) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết.
 - (C) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.
 - (D) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.
 - (E) Các vấn đề đã được thông qua.
 - (F) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị, người đại diện theo pháp luật của Công Ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.
- (vii) Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- (viii) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- (ix) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 23: Biên Bản Họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- (i) Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu dưới đây. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- (A) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
 - (B) Thời gian và địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (C) Chương trình họp và nội dung cuộc họp.
 - (D) Họ, tên chủ tọa và thư ký.

- (E) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông về từng vấn đề trong chương trình họp.
 - (F) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.
 - (G) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.
 - (H) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.
 - (I) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
- (ii) Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 - (iii) Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
 - (iv) Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ khi gửi biên bản.
 - (v) Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 24: Yêu Cầu Hủy Bỏ Quyết Định Của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, (Nhóm) Cổ Đông Lớn có quyền yêu cầu tòa án hoặc trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp dưới đây. Để làm rõ, trường hợp quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa Án hoặc Trọng Tài, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày phán quyết của Tòa Án hoặc Trọng Tài có hiệu lực thi hành theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.

- (i) Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này, trừ trường hợp quy định tại Điều 21(v), Điều Lệ này.

- (ii) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25: Ứng Cử, Đề Cử Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

- (i) Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội Đồng Quản Trị được đưa vào tài liệu họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và công bố tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trên trang thông tin điện tử của Công Ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội Đồng Quản Trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội Đồng Quản Trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội Đồng Quản Trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
- (A) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
 - (B) Trình độ học vấn.
 - (C) Trình độ chuyên môn.
 - (D) Quá trình công tác.
 - (E) Các Công Ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội Đồng Quản Trị và các chức danh quản lý khác.
 - (F) Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công Ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị của Công Ty.
 - (G) Các lợi ích có liên quan tới Công Ty (nếu có).
 - (H) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có).
 - (I) Các thông tin khác (nếu có).
- (ii) Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 6 (sáu) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội Đồng Quản Trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 1 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 2 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 3 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 4 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 5 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 6 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 7 (bảy) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa 8 (tám) ứng viên.
- (iii) Trường hợp số lượng ứng viên Hội Đồng Quản Trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên

hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công Ty quy định tại quy chế nội bộ về quản trị Công Ty. Thủ tục Hội Đồng Quản Trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26: Thành Phần Và Nhiệm Kỳ Của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

- (i) Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị là 6 (sáu) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị không quá 5 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- (ii) Cơ cấu thành viên Hội Đồng Quản Trị như sau: Tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- (iii) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - (A) Không đủ tư cách làm thành viên Hội Đồng Quản Trị theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội Đồng Quản Trị.
 - (B) Có đơn từ chức.
 - (C) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội Đồng Quản Trị có các bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.
 - (D) Không tham dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị trong 6 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - (E) Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (F) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công Ty với tư cách là ứng viên Hội Đồng Quản Trị.
 - (G) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- (iv) Việc bổ nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- (v) Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể không phải là cổ đông của Công Ty.

Điều 27: Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Hội Đồng Quản Trị

- (i) Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công Ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị. Hội Đồng Quản Trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- (ii) Quyền và nghĩa vụ của Hội Đồng Quản Trị do luật pháp, Điều Lệ này và Đại Hội Đồng Cổ Đông quy định. Cụ thể, Hội Đồng Quản Trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
- (A) Tổ chức thực thi các quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (B) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển ngắn hạn (dưới 1 (một) năm), và kế hoạch phát triển trung hạn (từ 1 (một) năm đến 5 (năm) năm) của Công Ty.
 - (C) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị, và công nghệ.
 - (D) Quyết định phát hành và chào bán cổ phần trong phạm vi số cổ phần được quyền phát hành và chào bán của từng loại theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (E) Quyết định huy động thêm vốn cho Công Ty có tổng giá trị giao dịch cộng gộp của từng giao dịch đơn lẻ hoặc của nhóm giao dịch có liên quan không quá 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty như được ghi nhận tại báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất một cách tương ứng.
 - (F) Kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định (A) loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền phát hành và chào bán của từng loại, và (B) các quyền, ưu đãi, đặc quyền và việc thay đổi các quyền, ưu đãi, đặc quyền gắn liền với từng loại cổ phần.
 - (G) Quyết định giá chào bán cổ phần và giá chào bán các loại chứng khoán khác của Công Ty.
 - (H) Quyết định việc định giá và chấp thuận các tài sản góp vào Công Ty có tổng giá trị cộng gộp không vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty như được ghi nhận tại báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất một cách tương ứng.
 - (I) Kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định mức cổ tức được trả hàng năm của từng loại cổ phần.
 - (J) Quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức, tạm ứng cổ tức, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác bằng văn bản hoặc Điều Lệ này có quy định khác.
 - (K) Quyết định và chấp thuận việc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh có tổng giá trị cộng gộp không vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty như được ghi nhận tại báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất một cách tương ứng.
 - (L) Quyết định và chấp thuận hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận, dàn xếp giữa Công Ty với Người Có Liên Quan của Công Ty, bất kỳ (các) bên thứ ba nào khác (dù với tư cách đơn lẻ hay theo nhóm) có tổng giá trị giao dịch cộng gộp không vượt quá 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty như được ghi nhận tại báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất. Để làm rõ, việc xác định thẩm quyền

của Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp này sẽ không phụ thuộc và không căn cứ vào giá trị riêng lẻ của từng hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận, dàn xếp như vậy một cách độc lập hoặc đơn lẻ.

- (M) Quyết định việc mua lại không vượt quá 10% tổng số cổ phần của từng loại cổ phần đang lưu hành của Công Ty.
- (N) Bầu, thuê, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, sa thải, thay thế Tổng Giám Đốc, kế toán trưởng (bao gồm cả việc quyết định chế độ lương, thưởng của các chức danh này).
- (O) Quyết định quỹ lương, thưởng hàng năm của Công Ty.
- (P) Giám sát, chỉ đạo các chức danh thuộc thẩm quyền bầu, thuê, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, sa thải, thay thế của Tổng Giám Đốc trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các chức danh này.
- (Q) Bầu, thuê, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, sa thải, thay thế người đại diện phân vốn góp của Công Ty tại các doanh nghiệp, và tổ chức khác.
- (R) Quyết định cơ cấu tổ chức nội bộ của Công Ty không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (S) Quyết định, ban hành, ban hành lại, đặt tên lại, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hướng dẫn, giải thích, đính chính, hoặc gia hạn và chấp thuận quy chế nội bộ của Công Ty, nhưng không bao gồm quy chế hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.
- (T) Quyết định và chấp thuận việc góp vốn, thành lập, đầu tư, liên doanh, liên kết, giải thể, phá sản, thanh lý chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, công ty con, công ty liên kết, hoặc bất kỳ hình thức hợp tác nào khác với bất kỳ bên thứ ba nào (bao gồm cả các tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng, nắm giữ của các công ty này). Để làm rõ, Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo tại Đại Hội Đồng Cổ Đông được tổ chức gần nhất sau đó (dưới hình thức báo cáo tại cuộc họp được triệu tập, hoặc văn kiện kèm theo tài liệu gửi các cổ đông khi lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các giao dịch có tổng giá trị cộng gộp trên 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công Ty như được ghi nhận tại báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất.
- (U) Khi kết thúc năm tài chính, trình Đại Hội Đồng Cổ Đông (a) báo cáo tài chính hàng năm (có thể được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán độc lập), (b) báo cáo về tình hình kinh doanh của Công Ty, và (c) báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công Ty, và đồng thời gửi các báo cáo, tài liệu này bằng phương thức bảo đảm đến tất cả các thành viên Ban Kiểm Soát chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc của Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên.
- (V) Kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét việc tổ chức lại, giải thể, hoặc phá sản Công Ty.

- (W) Giải quyết các khiếu nại của Công Ty đối với Người Điều Hành Của Công Ty cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công Ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người Điều Hành Của Công Ty đó.
 - (X) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến đề Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định.
 - (Y) Kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền.
 - (Z) Các quyền và nghĩa vụ khác (nếu có).
- (iii) Những vấn đề sau đây phải được Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn:
- (A) Thành lập các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, công ty con, công ty liên kết của Công Ty.
 - (B) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2, Điều 149, Luật Doanh Nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 2, Điều 135 và Khoản 1, Khoản 3, Điều 162, Luật Doanh Nghiệp phải do Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn, Hội Đồng Quản Trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công Ty.
 - (C) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công Ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và luật sư của Công Ty.
 - (D) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công Ty.
 - (E) Việc định giá tài sản góp vào Công Ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.
 - (F) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 (mười hai) tháng.
 - (G) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công Ty.
- (iv) Hội Đồng Quản Trị phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội Đồng Quản Trị đối với Tổng Giám Đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không trình báo cáo lên Đại Hội Đồng Cổ Đông, báo cáo tài chính năm của Công Ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội Đồng Quản Trị thông qua.
- (v) Trừ khi pháp luật và Điều Lệ quy định khác, Hội Đồng Quản Trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công Ty.

Điều 28: Thù Lao, Tiền Lương Và Lợi Ích Khác Của Thành Viên Hội Đồng Quản Trị

- (i) Thành Viên Hội Đồng Quản Trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là Thành Viên Hội Đồng Quản Trị. Tổng mức thù lao cho Hội Đồng Quản Trị do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị theo thỏa thuận trong Hội Đồng Quản Trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
- (ii) Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội Đồng Quản Trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công Ty, Công Ty con, Công Ty liên kết của Công Ty và các Công Ty khác mà thành viên Hội Đồng Quản Trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công Ty. Thù lao của thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công Ty.
- (iii) Thành viên Hội Đồng Quản Trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội Đồng Quản Trị làm việc tại các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội Đồng Quản Trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội Đồng Quản Trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- (iv) Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị hoặc các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 29: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

- (i) Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội Đồng Quản Trị để bầu Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.
- (ii) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có nghĩa vụ chuẩn bị chương trình, tài liệu, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị; chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; đồng thời có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
- (iii) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội Đồng Quản Trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội Đồng Quản Trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (iv) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội Đồng Quản Trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày.

Điều 30: Cuộc Họp Của Hội Đồng Quản Trị

- (i) Trường hợp Hội Đồng Quản Trị bầu Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị thì Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn 1 (một) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 1 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- (ii) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất 5 (năm) ngày trước ngày họp. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất 1 (một) lần.
- (iii) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - (A) Ban Kiểm Soát.
 - (B) Tổng Giám Đốc hoặc ít nhất 5 (năm) người điều hành khác.
 - (C) Thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập.
 - (D) Ít nhất 2 (hai) thành viên Hội Đồng Quản Trị.
 - (E) Các trường hợp khác (nếu có).
- (iv) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điều 30(iii), Điều Lệ này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Điều 30(iii), Điều Lệ này có quyền triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- (v) Trường hợp có yêu cầu của Công Ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công Ty.
- (vi) Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành tại trụ sở chính của Công Ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và được sự nhất trí của Hội Đồng Quản Trị.
- (vii) Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được gửi cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát ít nhất 5 (năm) ngày trước ngày họp. Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội Đồng Quản Trị đó. Thông báo họp Hội Đồng Quản Trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết

của thành viên. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị và thành viên Ban Kiểm Soát được đăng ký tại Công Ty.

- (viii) Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền (nếu việc ủy quyền được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.
- (ix) Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội Đồng Quản Trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - (A) Nghe từng thành viên Hội Đồng Quản Trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp.
 - (B) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội Đồng Quản Trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội Đồng Quản Trị, hoặc là địa điểm có mặt chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp pháp, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị tham dự cuộc họp này.
- (x) Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất 1 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.
- (xi) Biểu quyết:
 - (A) Trừ quy định tại Điều 30(xi)(B), Điều Lệ này, mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều 30(viii), Điều Lệ này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội Đồng Quản Trị có 1 (một) phiếu biểu quyết.
 - (B) Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có

mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội Đồng Quản Trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

- (C) Theo quy định tại Điều 30(xi)(D), Điều Lệ này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội Đồng Quản Trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.
 - (D) Thành viên Hội Đồng Quản Trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 40(v)(A) và 40(v)(B), Điều Lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
 - (E) Thành viên Ban Kiểm Soát có quyền dự cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- (xii) Thành viên Hội Đồng Quản Trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội Đồng Quản Trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội Đồng Quản Trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.
 - (xiii) Hội Đồng Quản Trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau cho một nội dung biểu quyết, phiếu biểu quyết của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị là phiếu quyết định.
 - (xiv) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
 - (xv) Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội Đồng Quản Trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31: Các Tiểu Ban Thuộc Hội Đồng Quản Trị

- (i) Hội Đồng Quản Trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội Đồng Quản Trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội Đồng Quản Trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội Đồng Quản Trị.

- (ii) Việc thực thi quyết định của Hội Đồng Quản Trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội Đồng Quản Trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội Đồng Quản Trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ này.

Điều 32: Người Phụ Trách Quản Trị Công Ty

- (i) Hội Đồng Quản Trị chỉ định ít nhất 1 (một) người làm người phụ trách quản trị Công Ty để hỗ trợ hoạt động quản trị Công Ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị Công Ty do Hội Đồng Quản Trị quyết định, tối đa là 5 (năm) năm.
- (ii) Người phụ trách quản trị Công Ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - (A) Có hiểu biết về pháp luật.
 - (B) Không được đồng thời làm việc cho Công Ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.
 - (C) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này và quyết định của Hội Đồng Quản Trị.
- (iii) Hội Đồng Quản Trị có thể bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội Đồng Quản Trị có thể bổ nhiệm trợ lý cho người phụ trách quản trị Công Ty tùy từng thời điểm.
- (iv) Người phụ trách quản trị Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - (A) Tư vấn Hội Đồng Quản Trị trong việc tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công Ty và cổ đông.
 - (B) Chuẩn bị các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và Đại Hội Đồng Cổ Đông theo yêu cầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát.
 - (C) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
 - (D) Tham dự các cuộc họp.
 - (E) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị phù hợp với quy định của pháp luật.
 - (F) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội Đồng Quản Trị và Thành viên Ban Kiểm Soát.
 - (G) Giám sát và báo cáo Hội Đồng Quản Trị về hoạt động công bố thông tin của Công Ty.

- (H) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- (I) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33: Tổ Chức Bộ Máy Quản Lý

Hệ thống quản lý của Công Ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội Đồng Quản Trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty. Công Ty có Tổng Giám Đốc, các Phó Tổng Giám Đốc, kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội Đồng Quản Trị.

Điều 34: Người Điều Hành Doanh Nghiệp

- (i) Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc và được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị, Công Ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công Ty do Hội Đồng Quản Trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm khẩn cấp để hỗ trợ Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
- (ii) Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám Đốc do Hội Đồng Quản Trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội Đồng Quản Trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám Đốc.

Điều 35: Bổ Nhiệm, Miễn Nhiệm, Nhiệm Vụ Và Quyền Hạn Của Tổng Giám Đốc

- (i) Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm 1 (một) thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc một người khác làm Tổng Giám Đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám Đốc phải được báo cáo tại Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công Ty.
- (ii) Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 5 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám Đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
- (iii) Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - (A) Thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công Ty đã được Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.
 - (B) Bầu, thuê, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, sa thải, thay thế, bổ sung các giám đốc, phó giám đốc, các trưởng phòng (bao gồm nhưng không giới hạn ở phó giám

đốc/trưởng phòng tài chính, kế toán trưởng, phó giám đốc/trưởng phòng nhân sự, phó giám đốc/trưởng phòng công nghệ thông tin, phó giám đốc/trưởng phòng quản lý chất lượng, phó giám đốc/trưởng phòng vật tư, phó giám đốc/trưởng phòng kinh doanh, phó giám đốc/trưởng phòng sản xuất), các cấp phó hoặc cấp quản lý dưới quyền của các chức danh quản lý này, và các nhân viên khác của Công Ty (bao gồm cả việc quyết định chế độ lương, thưởng của các chức danh này).

- (C) Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội Đồng Quản Trị, bao gồm việc thay mặt Công Ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.
 - (D) Kiến nghị với Hội Đồng Quản Trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty.
 - (E) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công Ty.
 - (F) Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công Ty cần tuyển dụng để Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội Đồng Quản Trị quyết định.
 - (G) Tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
 - (H) Vào ngày 31/12 hàng năm, trình Hội Đồng Quản Trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính 5 (năm) năm.
 - (I) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công Ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội Đồng Quản Trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công Ty.
 - (J) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này, các quy chế nội bộ của Công Ty, các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, hợp đồng lao động ký với Công Ty.
- (iv) Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và Đại Hội Đồng Cổ Đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

- (v) Hội Đồng Quản Trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám Đốc khi đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám Đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36: Ứng Cử, Đề Cử Thành Viên Ban Kiểm Soát

- (i) Việc ứng cử, đề cử Thành viên Ban Kiểm Soát được thực hiện tương tự quy định tại Điều 25(i) và 25(ii), Điều Lệ này.
- (ii) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Kiểm Soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban Kiểm Soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều Lệ này và quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban Kiểm Soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Kiểm Soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 37: Thành Viên Ban Kiểm Soát

- (i) Số lượng thành viên Ban Kiểm Soát của Công Ty là 3 (ba) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm Soát không quá 5 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- (ii) Thành viên Ban Kiểm Soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 164, Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ này và không thuộc các trường hợp sau:
- (A) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công Ty.
- (B) Là thành viên hay nhân viên của Công Ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty trong 3 (ba) năm liền trước đó.
- (iii) Các thành viên Ban Kiểm Soát bầu 1 (một) người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban Kiểm Soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công Ty. Trưởng Ban Kiểm Soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- (A) Triệu tập cuộc họp Ban Kiểm Soát.
- (B) Yêu cầu Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban Kiểm Soát.
- (C) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm Soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (iv) Thành viên Ban Kiểm Soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- (A) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm Soát theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp.
- (B) Không thực hiện nghĩa vụ của mình trong 6 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
- (C) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.
- (D) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm Soát quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này.
- (E) Có đơn từ chức.
- (F) Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- (G) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này.

Điều 38: Ban Kiểm Soát

- (i) Ban Kiểm Soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165, Luật Doanh Nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - (A) Đề xuất và kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công Ty.
 - (B) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
 - (C) Giám sát tình hình tài chính Công Ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Người Điều Hành Của Công Ty, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm Soát với Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và cổ đông.
 - (D) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều Lệ của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội Đồng Quản Trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ kể từ khi biết hành vi vi phạm đó, và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
 - (E) Báo cáo tại Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.
 - (F) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- (ii) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công Ty theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát. Người phụ trách quản trị Công Ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông và của Hội Đồng Quản Trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội Đồng Quản Trị phải được cung

cấp cho các thành viên Ban Kiểm Soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội Đồng Quản Trị.

- (iii) Ban Kiểm Soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban Kiểm Soát và cách thức hoạt động của Ban Kiểm Soát. Ban Kiểm Soát phải họp tối thiểu 2 (hai) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) số thành viên Ban Kiểm Soát trở lên dự họp.
- (iv) Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm Soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định. Thành viên Ban Kiểm Soát được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm Soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban Kiểm Soát.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 39: Trách Nhiệm Căn Trọng

Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội Đồng Quản Trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công Ty.

Điều 40: Trách Nhiệm Trung Thực Và Tránh Các Xung Đột Về Quyền Lợi

- (i) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 ,Luật Doanh Nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- (ii) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- (iii) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội Đồng Quản Trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
- (iv) Trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác, Công Ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp giao dịch trong nội bộ Tập Đoàn Việt Úc.
- (v) Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với một hoặc nhiều thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ

chức có liên quan đến họ hoặc doanh nghiệp, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

- (A) Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội Đồng Quản Trị. Đồng thời, Hội Đồng Quản Trị đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội Đồng Quản Trị không có lợi ích liên quan.
- (B) Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này.
- (C) Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công Ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.
- (D) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41: Trách Nhiệm Về Thiệt Hại Và Bồi Thường

- (i) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
- (ii) Công Ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty với tư cách thành viên Hội Đồng Quản Trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công Ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn

với lợi ích của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

- (iii) Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công Ty, thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công Ty được Công Ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công Ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - (A) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công Ty.
 - (B) Tuân thủ pháp luật và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
- (iv) Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công Ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 42: Quyền Điều Tra Sổ Sách Và Hồ Sơ

- (i) (Nhóm) Cổ Đông Lớn có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công Ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
- (ii) Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công Ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- (iii) Công Ty phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Hội Đồng Quản Trị, các báo cáo của Ban Kiểm Soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
- (iv) Điều Lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 43: Công Nhân Viên Và Công Đoàn

- (i) Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
- (ii) Tổng Giám Đốc phải lập kế hoạch để Hội Đồng Quản Trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công Ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều Lệ này, các quy chế của Công Ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 44: Phân Phối Lợi Nhuận

- (i) Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công Ty.
- (ii) Công Ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- (iii) Hội Đồng Quản Trị có thể kiến nghị Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội Đồng Quản Trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- (iv) Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công Ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- (v) Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Hội Đồng Quản Trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- (vi) Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 45: Tài Khoản Ngân Hàng

- (i) Công Ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
- (ii) Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công Ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
- (iii) Công Ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công Ty mở tài khoản.

Điều 46: Năm Tài Chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 1 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 47: Chế Độ Kế Toán

- (i) Chế độ kế toán Công Ty sử dụng là chế độ kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
- (ii) Công Ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công Ty.
- (iii) Công Ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công Ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ
TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 48: Báo Cáo Tài Chính Năm, Sáu Tháng Và Quý

- (i) Công Ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50, Điều Lệ này. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính hoặc thời hạn khác theo quy định của pháp luật, Công Ty phải nộp báo cáo tài chính năm đã được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán (trong trường hợp Công Ty đã niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

- (ii) Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công Ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công Ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
- (iii) Công Ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý (trong trường hợp Công Ty là công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) theo các quy định của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán (trong trường hợp Công Ty đã niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp.
- (iv) Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý (trong trường hợp Công Ty là công ty niêm yết/công ty đại chúng quy mô lớn) phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
- (v) Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công Ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49: Báo Cáo Thường Niên

Công Ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

**CHƯƠNG XVI
KIỂM TOÁN CÔNG TY**

Điều 50: Kiểm Toán

- (i) Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội Đồng Quản Trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội Đồng Quản Trị. Công Ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
- (ii) Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn tối đa 3 (ba) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- (iii) Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công Ty.
- (iv) Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công Ty được phép tham dự các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên

quan đến cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công Ty.

CHƯƠNG XVII CON DẤU

Điều 51: Con Dấu

- (i) Hội Đồng Quản Trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công Ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.
- (ii) Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 52: Chấm Dứt Hoạt Động

- (i) Công Ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - (A) Kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty, kể cả sau khi đã gia hạn.
 - (B) Giải thể theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
 - (C) Bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
 - (D) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- (ii) Việc giải thể Công Ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định, Hội Đồng Quản Trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 53: Gia Hạn Hoạt Động

- (i) Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông ít nhất 7 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công Ty theo đề nghị của Hội Đồng Quản Trị.
- (ii) Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua.

Điều 54: Thanh Lý

- (i) Tối thiểu 6 (sáu) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công Ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công Ty, Hội Đồng Quản Trị phải thành lập ban thanh lý gồm 3

(ba), trong đó bao gồm 2 (hai) thành viên do Đại Hội Đồng Cổ Đông chỉ định và 1 (một) thành viên do Hội Đồng Quản Trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty.

- (ii) Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, ban thanh lý thay mặt Công Ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công Ty trước tòa án và các cơ quan hành chính.
- (iii) Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - (A) Các chi phí thanh lý.
 - (B) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết.
 - (C) Nợ thuế.
 - (D) Các khoản nợ khác của Công Ty.
 - (E) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ, chi phí nêu trên được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 55: Giải Quyết Tranh Chấp Nội Bộ

- (i) Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công Ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều Lệ, các quy định giữa (A) cổ đông với Công Ty, và/hoặc (B) cổ đông với Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc hay người điều hành khác thì các bên liên quan giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hoặc Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong thời hạn 7 (bảy) ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội Đồng Quản Trị hay Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban Kiểm Soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.
- (ii) Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra trọng tài hoặc tòa án để giải quyết theo quy định của pháp luật.

- (iii) Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của tòa án, trọng tài được thực hiện theo phán quyết của cơ quan giải quyết tranh chấp có thẩm quyền.

CHƯƠNG XX SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 56: Sửa Đổi, Bổ Sung Điều Lệ

- (i) Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét, quyết định.
- (ii) Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công Ty chưa được đề cập trong bản Điều Lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 57: Ngày Hiệu Lực

- (i) Bản Điều Lệ này gồm 21 chương 57 điều được Đại Hội Đồng Cổ Đông nhất trí thông qua ngày .9... tháng .10.. năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ này.
- (ii) Các bản sao hoặc trích lục Điều Lệ có giá trị khi có chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Bình Thuận, ngày .9... tháng .10.. năm 2018

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(kiêm người đại diện theo pháp luật)**


LƯƠNG THANH VĂN